TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VẠN NINH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 8 năm 2024
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Ngọc Anh

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Thành

Ông Nguyễn Quốc Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Vui - Thư ký viên

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Bá Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Duyên H- sinh năm: 1969; nơi cư trú: Thôn T, xã Vạn L, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh T- sinh năm: 1966; nơi cư trú: Thôn T, xã Vạn L, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã Vạn H, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ: Thôn Xuân V, xã Vạn H, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh T - Chủ tịch UBND xã Vạn H (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 22/4/2024, Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 04/6/2024, ngày 09/7/2024, đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Duyên H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Duyên Hvà ông Trần Minh T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1985; đến năm 1986 ông bà đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 209 do Ủy ban nhân dân xã Vạn H, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 09/01/1986. Hiện nay bản chính giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc trong quá trình chuyển nHnên bà Hcung cấp cho Tòa án bản Trích lục kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà Hchung sống hạnh phúc đến đầu năm 1989 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp; bất đồng quan điểm sống; không tin tưởng, tôn trọng nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Ông Tkhông lo chí thú làm ăn; không quan tâm, chăm sóc vợ con, khi bà Hkhuyên bảo thì vợ chồng xảy ra cãi vã với nhau. Sau đó, ông Tbỏ nHđi nơi khác làm ăn sinh sống, ông bà không còn liên lạc với nhau, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc cho ai.

Bà Hđã yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Ttheo Quyết định số 01/2024/QĐ - TA ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh. Đến dịp Tết nguyên đán năm 2024, ông Tcó trở về thăm gia đình mẹ ruột của ông tại thôn T, xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa nH ông không liên lạc, không quan tâm gì đến vợ con. Nay bà Hxác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể hòa giải, bà không còn yêu thương ông Trần Minh Tvà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà Hxác định bà mới được 17 tuổi, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà Hvà ông Tkết hôn tự nguyện, không ai ép buộc, sau khi kết hôn thì ông bà có với nhau 03 con chung. Đến nay, do hôn nhân không hạnh phúc, bà yêu cầu ly hôn với ông Tmà không yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung Trần Thị Đoan P - sinh năm 1986, Trần Anh K - sinh năm 1988, Trần Thị Đoan H- sinh năm 1989. Các con chung đều đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Trần Minh Tđến Tòa để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa H ông Tđều không có mặt nên Toà án không lấy được lời khai của ông Triết, không ghi nhận yêu cầu nào của ông, không tiến hành hòa giải được vụ án.

Theo Biên bản xác minh ngày 07/6/2024, bà Trần Thị Yến - sinh năm 1958 là chị ruột của ông Trần Minh Txác nhận: Ông Ttrước đây sinh sống tại nHbà Yến ở thôn T, xã Vạn L, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Nay ông Tđã đi nơi khác làm ăn sunh sống, thỉnh thoảng mới về thăm gia đình, lần gần nhất vào dịp Tết nguyên

đán năm 2024. Sau đó ông tiếp tục đi làm ăn xa, bà Yến không biết thông tin địa chỉ cụ thể của ông Thiện nay.

* Tại Công văn số 427/UBND ngày 25/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã Vạn H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Vạn H thể hiện ý kiến:

Theo hồ sơ sổ bộ còn lưu giữ tại UBND xã Vạn H, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tại số thứ tự 209, quyển số 01/1986 đăng ký ngày 09/01/1986 có tên đăng ký kết hôn ông Trần Minh Triết, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Duyên Hà, sinh năm 1969. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, bà Nguyễn Thị Duyên Hchưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, thời điểm đó UBND xã Vạn H cho đăng ký kết hôn là không đúng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

Hiện tại, bà Nguyễn Thị Duyên Hđã đủ tuổi đăng ký kết hôn, không còn vi phạm điều kiện kết hôn, nên UBND không hủy giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của bà Nguyễn Thị Duyên Hvới ông Trần Minh Triết. Trường hợp bà Nguyễn Thị Duyên Hvới ông Trần Minh Tly hôn thì Tòa án giải quyết theo pháp luật tố tụng.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn. Đồng thời, tuyên hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị Duyên Hvà ông Trần Minh Tđã đăng ký kết hôn số 209, ngày 09/01/1986 của Ủy ban nhân dân xã Vạn H và thông báo cho Ủy ban nhân dân xã Vạn H biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Duyên Hyêu cầu ly hôn với ông Trần Minh Triết; nơi cư trú: Thôn Tân Đức Đông, xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

[2] Bị đơn ông Trần Minh Tvà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Vạn H, đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nH vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Tvà Ủy ban nhân dân xã Vạn H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào hồ sơ sổ bộ còn lưu giữ tại Uỷ ban nhân dân xã Vạn H, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tại số thứ tự 209, quyển số 01/1986 đăng ký ngày 09/01/1986 có tên đăng ký kết hôn ông Trần Minh

Triết, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Duyên Hà, sinh năm 1969; căn cứ vào Giấy khai sinh số 257 quyển số 1/99 do Ủy ban nhân dân xã Vạn H cấp, có nội dung như sau: "Nguyễn Thị Duyên Hà, giới tính: Nữ, ngày tháng năm sinh: 08/10/1969 (ghi bằng chữ: ngày tám tháng mười năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín)". Xét thấy, tại thời điểm đăng ký kết hôn, ông Trần Minh Tđược 20 tuổi, bà Nguyễn Thị Duyên Hđược 17 tuổi, thì người vợ (bà Hà) chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, nH Ủy ban nhân dân xã Vạn H cho đăng ký kết hôn là không đúng quy định tại Điều 6 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1959, cụ thể: *"Con gái từ 18 tuổi trở lên, con trai từ 20 tuổi trở lên mới được kết hôn."* Do đó, có cơ sở xác định việc kết hôn giữa bà Nguyễn Thị Duyên Hvà ông Trần Minh Tlà trái pháp luật.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích quy định của pháp luật về việc hủy kết hôn trái pháp luật và giải quyết hậu quả pháp lý của việc hủy kết hôn trái pháp luật tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Duyên Hkhông yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật mà vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Bị đơn ông Trần Minh Tkhông có mặt tại nơi cứ trú, không ai biết ông Thiện nay làm gì và ở đâu, nên Tòa án không thể lấy lời khai làm rõ ý kiến ý kiến, yêu cầu của ông. Đây là trường hợp nguyên đơn có yêu cầu ly hôn, bị đơn không có yêu cầu. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không có cơ sở để công nhận quan hệ hôn nhân của bà Hà, ông Triết; cũng như không có cơ sở cho ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn, mà cần phải hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị Duyên Hvà ông Trần Minh Triết.

"Điều 4. Xử lý yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật

...

2. Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nH sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau:

...

b) Nếu một hoặc hai bên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc có một bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia không có yêu cầu thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Trường hợp có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật được giải quyết theo quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình."

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị Duyên Hvà ông Trần Minh Tcó 03 con chung Trần Thị Đoan P - sinh năm 1986, Trần Anh K- sinh năm 1988, Trần Thị Đoan H - sinh năm 1989. Các con chung đều đã trên 18

tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nguyên đơn bà Hkhông yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Duyên Hkhông yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Duyên Hxác nhận trong thời gian chung sống bà và ông Tkhông có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Bị đơn ông Trần Minh Tmặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nH đều không đến Tòa án để trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để giải quyết yêu cầu của ông Triết.

[9] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Duyên Hphải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959;

Căn cứ khoản 6 Điều 3; Điều 8; Điều 11; Điều 12 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 2, 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị Duyên H và ông Trần Minh T theo giấy chứng nhận kết hôn số 209, quyển số 01/1986 đăng ký ngày 09/01/1986 của Ủy ban nhân dân xã Vạn H, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

2. Về con chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Duyên H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nH được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006972 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; bà Hđã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn,bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Ủy ban nhân dân xã Vạn H;
- Các đương sự;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Ngọc Anh